

Bản án số: 11/2022/HS-ST

Ngày: 30/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH K**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Y Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nghiêm Đình Hiệu và bà Y Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K.

Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Khuất Thế Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2022/TLST, ngày 14 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 10/2022/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo.

1. Nguyễn Văn N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 30 tháng 4 năm 1994 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1963 (Đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm: 1968; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh, chị, em; lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1995. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 13/6/2022, sau đó bị khởi tố chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. (Có mặt tại phiên tòa).

2. A T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 22 tháng 01 năm 2004 tại tỉnh K; Nơi cư trú: Thôn Pêng Blong, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Giẻ - Triêng; Tôn giáo: Tin lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A T sinh năm 1975 và bà Y T sinh năm 1978; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh, em; lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2014. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 13/6/2022, sau đó bị khởi tố chuyên tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/6/2022, Nguyễn Văn N (*Sinh năm: 1994; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) làm quen, hỏi mua ma túy của một người đàn ông (*Chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể*) và hẹn giao ma túy cho mình vào khoảng 18 giờ 30 ngày 13/6/2022 tại một bãi đất trống sát bên đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh K.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 13/6/2022, A T (*Sinh ngày: 22/01/2004; trú tại: Thôn Pênh Blong, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K*) đến nhà nhờ Nguyễn Văn N chở ra ngã ba xã Đăk Môn để sửa điện thoại. Lúc này, N cũng có ý định đi mua ma túy như đã hẹn trước đó nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Winer X, màu xanh bạc đen, biển số 82N1-109.16 chở T đi. Trên đường đi, N rủ T góp tiền mua ma túy về cùng sử dụng thì T đồng ý và đưa cho N số tiền 250.000đ (*Hai trăm năm mươi ngàn đồng*); N chở T đến tiệm điện thoại di động Thế Mỹ do Dương Hoàng Thế Mỹ (*Sinh năm: 1991; trú tại: Thôn Broong Mỹ, xã Đăk Môn, huyện Đ, tỉnh K*) làm chủ để sửa điện thoại và hẹn ngày hôm sau quay lại lấy. Sau đó, N tiếp tục chở T đến địa điểm hẹn với người đàn ông để mua ma túy. Tại đây, N thấy người đàn ông đã đứng đợi sẵn nên điều khiển xe lại gần và hỏi “có phải anh bán đồ không?”, người đàn ông này trả lời “đúng” và đưa cho N 01 (*Một*) túi ni lông bên trong chứa ma túy, N cầm lấy túi ma túy bỏ vào bên trong túi áo khoác đang mặc và đưa cho người đàn ông này số tiền 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*). Sau khi mua được ma túy, N chở T đi về. Khi đi đến đoạn đường gần chốt kiểm soát liên ngành thuộc thôn Đăk Ak, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K thì bị tổ công tác của Công an huyện Đ phối hợp với Đoàn Biên phòng Đ ra tín hiệu dừng xe kiểm tra. Quá trình kiểm tra, phát hiện bên trong túi áo bên phải áo khoác màu đen N đang mặc có 01 (*Một*) túi ni lông, kích thước (2 x 1,5)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. N và T khai nhận chất rắn dạng tinh thể màu trắng đó là ma túy đá nên tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nghĩa và Tuấn.

Tại bản Kết luận giám định số 122/KL-KTHS ngày 16/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh K, kết luận: Mẫu chất rắn dạng tinh thể màu trắng

được niêm phong trong phong bì gửi giám định là **ma túy**, có khối lượng **0,122gam**, là loại **Methamphetamine**.

Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (Một) túi ni lông có kích thước (2x1,5)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, nghi là ma túy đá.

+ 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 82N1-109.16, nhãn hiệu Honda, màu xanh bạc đen; số khung: 3713LY018224; số máy: KC34E682; không kiểm tra chất lượng máy bên trong, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định:

Đối với 01 (Một) túi ni lông có kích thước (2x1,5)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Đây là số ma túy mà Nguyễn Văn N và A T đã mua của một người đàn ông chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể vào ngày 13/6/2022, với số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Sau khi giám định còn lại 0,098gam, được đựng trong 01 (Một) túi ni lông và được niêm phong trong 01 (Một) phong bì, mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 122/KL-KTHS”, tại mép dán mặt sau có các chữ ký ghi họ tên những người tham gia niêm phong và các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH K”.

Đối với 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 82N1-109.16: Quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn N; ngày 13/6/2022, N sử dụng chiếc xe mô tô này chở A T đi mua ma túy và bị bắt quả tang.

Tất cả vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/9/2022 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

Cáo trạng số: 08/CT- VKS ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N, A T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 14 đến 16 tháng tù.

- Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A T từ 12 đến 14 tháng tù.

- **Về hình phạt bổ sung:** Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (Một) túi ni lông có kích thước (2x1,5)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng: Quá trình điều tra xác định đây là số ma túy mà Nguyễn Văn N và A T đã mua của một người đàn ông chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể vào ngày 13/6/2022, với số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Số ma túy này có tổng số lượng 0,122 gam sau khi giám định còn lại 0,098gam, được đựng trong 01 (Một) túi ni lông và được niêm phong trong 01 (Một) phong bì, mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 122/KL-KTHS”, tại mép dán mặt sau có các chữ ký ghi họ tên những người tham gia niêm phong và các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ* CÔNG AN TỈNH K”. Đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát 82N1-109.16, nhãn hiệu Honda, màu xanh bạc đen; số khung: 3713LY018224; số máy: KC34E682. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn N; ngày 13/6/2022, N sử dụng chiếc xe mô tô này chở A T đi mua ma túy và bị bắt quả tang. Còn giá trị sử dụng, đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Bị cáo A T là người đồng bào dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn Pênh Blong, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K là thôn đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bị cáo được miễn số tiền: 200.000 đồng, án phí HSST.

Bị cáo N phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của viện kiểm sát đã quy kết và không tranh luận gì mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Biết A T từng sử dụng ma túy nên khoảng 17 giờ 00 phút ngày 13/6/2022, trên đường chở T đi sửa điện thoại, N đã rủ T góp tiền mua ma túy về sử dụng chung thì T đồng ý và góp 250.000đ (*Hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 82N1-109.16 của N chở T đến chỗ hẹn với một người đàn ông bán ma túy tại một bãi đất trống sát bên đường Hồ Chí Minh thuộc địa phận xã Đăk Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh K. Khi đến và gặp người đàn ông trên, N hỏi và mua một túi ma túy, có khối lượng **0,122gam**, là loại **ma túy đá**, với giá 500.000đ (*Năm trăm ngàn đồng*). Sau khi mua được, trên đường đi về thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện, bắt quả tang, đồng thời tạm giữ, niêm phong tang vật có liên quan. Hành vi trên của các bị cáo Nguyễn Văn N và A T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất gây nghiện, theo đó Nhà nước cấm tuyệt đối sử dụng chất này bởi hệ lụy của ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn và ảnh hưởng xấu đến sức khỏe đồng thời cũng là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật mà vẫn cố tình thực hiện. Do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. HĐXX nhận thấy, cần phải xử phạt các bị cáo với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt HĐXX căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án cũng như các đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về vai trò: Bị cáo N là người khởi xướng, rủ T đi mua ma túy về sử dụng chung thì T đồng ý, không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm từng đồng phạm. Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Văn N có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo A T có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có ông nội là A Viết được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bà ngoại Y May được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) túi ni lông có kích thước (2x1,5)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng. Quá trình điều tra xác định đây là số ma túy mà Nguyễn Văn N và A T đã mua của một người đàn ông chưa xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể vào ngày 13/6/2022, với số tiền là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng). Số ma túy này có tổng số lượng 0,122 gam sau khi giám định còn lại 0,098gam, được đựng trong 01 (Một) túi ni lông và được niêm phong trong 01 (Một) phong bì, mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỶ

THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 122/KL-KTHS”, tại mép dán mặt sau có các chữ ký ghi họ tên những người tham gia niêm phong và các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH K”. Đây là loại chất cấm, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 82N1-109.16; số khung: 3713LY018224; số máy: KC34E682. Quá trình điều tra xác định đây là chiếc xe mô tô thuộc sở hữu hợp pháp của Nguyễn Văn N; ngày 13/6/2022, N sử dụng chiếc xe mô tô này chở A T đi mua ma túy và bị bắt quả tang. Đây là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 23 tháng 9 năm 2022)

[7] Đối với đối tượng bán ma túy cho các bị cáo N, T: Trong quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận mua ma túy của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ ở Xã Đắc Dục, huyện Ngọc Hồi, tỉnh K. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đang tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý theo đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: : Tại phiên tòa, bị cáo A T xin được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo A T là người đồng bào dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn Pênh Blong, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K là thôn đặc biệt khó khăn, thuộc diện miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên bị cáo được miễn số tiền: 200.000 đồng, án phí HSST.

Bị cáo N phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn N và A T đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*",

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 14 (Mười bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/6/2022.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo A T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/6/2022.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) túi ni lông và được niêm phong trong 01 (Một) phong bì, mặt trước có nội dung “CÔNG AN TỈNH K PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ SỐ: 122/KL-KTHS”, tại mép dán mặt sau có các chữ ký ghi họ tên những người tham gia niêm phong và các hình dấu tròn có nội dung “*PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ*CÔNG AN TỈNH K”.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu, màu xanh bạc đen, biển kiểm soát 82N1-109.16; số khung: 3713LY018224; số máy: KC34E682.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ ngày 23 tháng 9 năm 2022).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm;

- Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo A T.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Trinh

